

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1701/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Đ, thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn N, sinh năm 1978; địa chỉ: Đ, thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Tấn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 07/7/2003. Trong quá trình chung sống, anh N thường xuyên bạo lực tinh thần, nhục mạ chị. Chị đã nhiều lần tha thứ mong anh N thay đổi nhưng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Tấn N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Huỳnh Tấn H, sinh ngày 02/8/2004 và Huỳnh Nguyễn Thiên H1, sinh ngày 31/12/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Nguyễn Thiên H1. Đối với cháu Huỳnh Tấn H, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng cho con: Chị yêu cầu anh Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 mỗi tháng 1.800.000 đồng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Huỳnh Tấn N nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Huỳnh Tấn N; về con chung: Giao con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1, sinh ngày 31/12/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 1.800.000 đồng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; đối với con chung là Huỳnh Tấn H, sinh ngày 02/8/2004 hiện đã trên 18 tuổi, chị T không yêu cầu giải quyết về nuôi con đối với cháu H nên không xem xét; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Tấn N và yêu cầu giao con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Nguyễn Thị T khởi kiện thì bị đơn anh Huỳnh Tấn N có nơi cư trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Huỳnh Tấn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Tấn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 07/7/2003. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Tấn N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Tấn N xảy ra nhiều mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T trình bày không còn tình cảm vợ chồng với anh N và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Huỳnh Tấn N, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, anh N biết chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh nhưng anh N không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa nên có thể xác định anh Huỳnh Tấn N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Tấn N có 02 con chung là Huỳnh Tấn H, sinh ngày 02/8/2004 và Huỳnh Nguyễn Thiên H1, sinh ngày 31/12/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1. Xét yêu cầu về nuôi con của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Huỳnh Nguyễn Thiên H1 đang sống cùng với chị T và do chị T trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời, cháu H1 là nữ và có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu H1, cũng như để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt cho cháu H1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, giao cháu H1 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với cháu Huỳnh Tấn H hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị T và anh N đều không có yêu cầu giải quyết về nuôi con đối với cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc anh Huỳnh Tấn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 mỗi tháng 1.800.000đồng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng cho con của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Do đó, việc chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho con chung chưa thành niên của chị T và anh N.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai anh N làm nghề lái xe, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng/tháng. Mặc dù chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh N. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ cho anh Huỳnh Tấn N nên anh N biết chị T yêu cầu anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 mỗi tháng 1.800.000đồng nhưng anh N cũng không có ý kiến phản đối. Xét thấy, mức cấp dưỡng nêu trên theo yêu cầu của chị T là hợp lý để chi phí cho những nhu cầu thiết yếu hiện nay của người được cấp dưỡng tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày vợ chồng không có nợ chung; anh Huỳnh Tấn N không có văn bản trình bày về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

Anh Huỳnh Tấn N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Huỳnh Tấn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Tấn N có 02 con chung là Huỳnh Tấn H, sinh ngày 02/8/2004 và Huỳnh Nguyễn Thiên H1, sinh ngày 31/12/2008.

Giao con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung Huỳnh Tấn H, hiện nay đã trên 18 tuổi; chị T và anh N đều không có yêu cầu giải quyết về nuôi con đối với cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Huỳnh Tấn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con:

Anh Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 mỗi tháng 1.800.000đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 31/01/2024) cho đến khi con chung Huỳnh Nguyễn Thiên H1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000360 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Huỳnh Tấn N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Phong;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lê Phong**